

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ VINACO VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ VINACO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINACO VIET NAM TECHNOLOGY AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINACO VINA., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107105206

3. Ngày thành lập: 12/11/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, ngách 41, ngõ 172 Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904 444 148

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
3.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
4.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
5.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
6.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
7.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
8.	Sản xuất đồng hồ	2652
9.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
10.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
11.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
12.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
13.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
14.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
15.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
16.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
17.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
18.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790

19.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
20.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
21.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
22.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
23.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
24.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
25.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
26.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
27.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
28.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
29.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
30.	Sản xuất máy luyện kim	2823
31.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
32.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
33.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
34.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
35.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
39.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;	4669
40.	Bán buôn tổng hợp	4690
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

42.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
43.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
44.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
45.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
46.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
47.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
48.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
49.	Xuất bản phần mềm	5820
50.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet;	6190
51.	Lập trình máy vi tính	6201
52.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
53.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm.	6209
54.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
55.	Cổng thông tin	6312
56.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
57.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
58.	Sản xuất xe có động cơ	2910
59.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
60.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
61.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
62.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
63.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
64.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
65.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
66.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
67.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
68.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
69.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
70.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

71.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
72.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
73.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
74.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
75.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
76.	Xây dựng nhà các loại	4100
77.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
78.	Xây dựng công trình công ích	4220
79.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
80.	Phá dỡ	4311
81.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
82.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
83.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
84.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
85.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
86.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
87.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
88.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
89.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
90.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

91.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
92.	Bán mô tô, xe máy	4541
93.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
94.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
95.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
96.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
97.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
98.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
99.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
100.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
101.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
102.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
104.	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề	8532
105.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
106.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
107.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
108.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
109.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9522

110.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc; - Hoạt động đo đạc bản đồ; - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; - Thiết kế công trình cầu, đường bộ; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế hệ thống điện, hệ thống tự động hóa công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế cấp thoát nước - môi trường nước công trình xây dựng; - Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; - Thiết kế mạng thông tin liên lạc công trình xây dựng; - Khảo sát trắc địa công trình; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng trong lĩnh vực lắp đặt thiết bị, công nghệ mạng thông tin, bưu chính viễn thông; - Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp - thoát nước); - Tư vấn, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình: Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư, đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng công trình; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định giá, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc tách khối lượng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; - Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Lắp đặt các trạm BTS viễn thông;	7110(Chính)
111.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
112.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210

113.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
114.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
115.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
116.	Cho thuê xe có động cơ	7710
117.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN PHÚC VĨNH	Số 2, dãy 4, ngõ 134 Tô Hiến Thành, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	152.000	1.520.000.000	80	B4513911	
			Tổng số	152.000	1.520.000.000	80		
2	NGUYỄN VĂN HÙNG	Thôn Đại Lai, Xã Phú Xuân, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.000	190.000.000	10	151692997	
			Tổng số	19.000	190.000.000	10		
3	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	Số 2, dãy 4, ngõ 134 Tô Hiến Thành, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.000	190.000.000	10	162387099	
			Tổng số	19.000	190.000.000	10		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN PHÚC VĨNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 31/08/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B4513911

Ngày cấp: 21/09/2010

Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 2, dãy 4, ngõ 134 Tô Hiến Thành, Phường Trường Thi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 2, ngách 41, ngõ 172 Đại Từ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội